

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 01 năm 2026

*
Số 04 -KH/BCĐ

KẾ HOẠCH

**triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh năm 2026**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW);

- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ các kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh năm 2026 với các nội dung trọng tâm như sau:

I- MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, các nhiệm vụ Ban Chỉ đạo Trung ương giao. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tập trung, thống nhất, kịp thời, hiệu quả của Ban Chỉ đạo tỉnh đối với việc huy động và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp thiết thực, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế **đạt 10% trở lên**.

- Tạo chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; phát huy hiệu quả hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm, có kết quả, có khả năng nhân rộng.

- Tạo bước đột phá thực sự trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đưa các lĩnh vực này trở thành động lực chính cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Chỉ tiêu kết quả, đóng góp tăng trưởng

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2026 ước phân đầu đạt 14%.

1.2.2. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

- Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Trong đó, bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt.

- Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thành trong quý I/2026 việc rà soát các văn bản đã ban hành để xác định đầy đủ danh mục và ban hành văn bản hướng dẫn cần xây dựng, ban hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi khi tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Có cơ chế “thử nghiệm có kiểm soát” cho trong các ngành, lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công nghệ hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm an toàn, an ninh và tuân thủ quy định.

1.2.3. Về chuyển đổi số

1.2.3.1. Về hạ tầng số

+ Mở rộng phủ sóng 5G phân đầu đạt 95% dân số, bảo đảm chất lượng dịch vụ.

+ Xóa vùng lõm sóng, nâng cao chất lượng kết nối; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số cấp xã: 100% cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

1.2.3.2. Về số hóa, dữ liệu, nền tảng số

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành, khai thác thực chất Trung tâm Dữ liệu tỉnh, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành thực chất các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo và các nghị quyết của Chính phủ; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” (theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ).

- Triển khai, vận hành hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh, bảo đảm thống nhất, liên thông và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương

- Bảo đảm 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.

- Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

- 100% các quy trình lõi trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được số hóa.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ.

1.2.3.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến và Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp tỉnh lần lượt đạt tối thiểu 100% và 70%.

- Tối thiểu 90% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phần đầu đạt 95%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 95%.

- 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành

chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 95%.

1.2.3.4. Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

- Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm; củng cố mô hình vận hành và điều kiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, bảo đảm phục vụ liên tục, không gián đoạn.

1.2.3.5. Chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp

- Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp chế biến; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch.

- Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển quản trị số, sản xuất thông minh, logistics thông minh; tăng cường liên kết doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học để đổi mới công nghệ.

1.2.4. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.2.4.1. Đổi mới cơ chế đặt hàng và đưa kết quả vào sử dụng thực tế

- 100% nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia triển khai được đề xuất, đặt hàng trên địa bàn tỉnh được xác định từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước hoặc sản xuất của địa phương; có đơn vị tiếp nhận, ứng dụng kết quả (cơ quan nhà nước, địa phương, tổ chức KH&CN, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai theo cơ chế đặt hàng, đề xuất ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sản phẩm chủ lực và các vấn đề cấp thiết của tỉnh; từng bước nâng cao tỷ lệ nhiệm vụ có sự tham gia, phối hợp hoặc cam kết tiếp nhận kết quả của doanh nghiệp, hợp tác xã và địa phương, phù hợp với năng lực thực tế.

- 100% nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kế hoạch ứng dụng kết quả nghiên cứu, xác định rõ đối tượng, phạm vi áp dụng, hiệu quả dự kiến và lộ trình

triển khai; có chỉ tiêu đánh giá và cơ chế theo dõi sau nghiệm thu, làm cơ sở nhân rộng, chuyển giao và từng bước thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

1.2.4.2. Trách nhiệm triển khai theo ngành, địa phương để bảo đảm tính lan tỏa và đo lường được

- Nghiên cứu, lựa chọn từ 3-5 vấn đề lớn để tập trung giải quyết thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Mỗi vấn đề phải có: (i) bài toán; (ii) sản phẩm đầu ra; (iii) chỉ tiêu đo lường; (iv) đơn vị tiếp nhận/ứng dụng; (v) mốc hoàn thành theo quý.

1.2.4.3. Ứng dụng công nghệ chiến lược

- Ứng dụng thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ nông nghiệp và robot kho vận.

- Ứng dụng chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo phục vụ công vụ, nông nghiệp công nghệ cao.

1.2.4.4. Thí điểm và mở rộng cơ chế mua sắm công đối với kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST

- Tổ chức thí điểm tối thiểu 20 gói mua sắm công theo kết quả đối với sản phẩm/giải pháp có thể áp dụng ngay trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh...).

- Tối thiểu 10 sản phẩm/giải pháp sau thí điểm được mở rộng áp dụng hoặc đưa vào danh mục khuyến nghị sử dụng trong phạm vi ngành/địa phương.

1.2.4.5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ và chuỗi cung ứng trong nước

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh tiếp nhận, đổi mới công nghệ; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường liên kết vùng và phát triển chuỗi cung ứng.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về quản trị chuỗi cung ứng, ứng dụng thương mại điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

1.2.4.6. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường KHCN

- Hoàn thiện và phát triển Sàn giao dịch KHCN để kết nối cung - cầu công nghệ ở trung ương và địa phương; xây dựng danh mục công nghệ, giải pháp sẵn sàng chuyển giao; công khai nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo ngành hàng.

- Nâng chất lượng hoạt động trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm, không gian hỗ trợ khởi nghiệp, gắn trực tiếp với bài toán của doanh nghiệp và địa phương; ưu tiên mô hình có doanh thu dịch vụ/đầu tư tư nhân.

- Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

1.2.4.7. Số hóa, minh bạch hóa quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- Triển khai số hóa quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo lộ trình phù hợp. Năm 2026, phần đầu tối thiểu 50% nhiệm vụ được quản lý, theo dõi trên nền tảng số dùng chung (*ưu tiên các khâu: đăng ký nhiệm vụ, hợp đồng, theo dõi tiến độ, nghiệm thu*); các nội dung còn lại thực hiện kết hợp giữa hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy.

- Thực hiện minh bạch hóa thông tin nhiệm vụ trên môi trường số theo quy định. Trong năm 2026, 100% nhiệm vụ thực hiện số hóa được công khai các thông tin cơ bản (*tên nhiệm vụ, mục tiêu, chủ nhiệm, cơ quan chủ trì, thời gian, kinh phí được duyệt, kết quả nghiệm thu*); từng bước mở rộng nội dung công khai và áp dụng lưu vết điện tử, ký số khi đủ điều kiện hạ tầng và nhân lực.

- Thiết lập cơ chế theo dõi, cập nhật tiến độ trên nền tảng số. Năm 2026, phần đầu tối thiểu 70% nhiệm vụ thực hiện cập nhật tiến độ định kỳ theo quý hoặc theo các mốc chính; các nhiệm vụ chậm cập nhật được nhắc nhở, hỗ trợ kỹ thuật và đưa vào diện theo dõi để kịp thời điều chỉnh.

1.2.4.8. Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn “từ phòng thí nghiệm ra thị trường”

- Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng năng lực dùng chung (*phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận...*); hình thành tối thiểu 10 hạ tầng dùng chung, ưu tiên cho công nghệ chiến lược.

1.2.5. Về theo dõi, giám sát và đánh giá

Bảo đảm 100% nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống; số liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

2. Yêu cầu

- Năm 2026 là năm “Hành động đột phá và lan tỏa kết quả”. Mỗi sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương cần chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu sản phẩm, từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả, từ việc “có làm” sang việc “làm đến nơi đến chốn” để có kết quả cuối cùng.

- Việc chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện cần đảm bảo tính thống nhất, toàn diện, đồng bộ, liên tục các nhiệm vụ, giải pháp.

- Đảm bảo tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; mọi kết quả phải đo lường được bằng số liệu cụ thể.

- Xác định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ hiệu quả.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ. Kiên quyết phòng, chống lãng phí; kiểm soát hiệu quả đầu tư ngay từ khâu chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

II- CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Chi tiết các nội dung, nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai các nhiệm vụ bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ. Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực, địa bàn được phân công.

- Định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương theo yêu cầu.

- Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo:

- + Tổng hợp nhiệm vụ năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đăng ký, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo để đưa vào danh mục theo dõi, chỉ đạo.

- + Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này tại các cơ quan, đơn vị.

- + Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật nhiệm vụ, tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của trung ương.

- + Định kỳ hằng tháng, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan chuyên môn giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quy định. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ về mặt chuyên môn, nghiệp vụ các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các

vướng mắc, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời tham mưu, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền. Chủ trì đề xuất Ban Chỉ đạo tỉnh điều chỉnh nội dung, tiến độ, kết quả của kế hoạch.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung, tiến độ theo yêu cầu.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan tính: (1) *Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt%*; (2) *Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP năm 2026 ước đạt%* để đưa vào chỉ tiêu thực hiện trong năm 2026. Hoàn thành, ***báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo trước ngày 30/01/2026.***

3. Các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ kế hoạch này, cụ thể hóa các nội dung vào việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp với đặc thù của ngành, địa phương. Việc triển khai cần đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi cao.

- Các đảng ủy xã, phường căn cứ Kế hoạch này để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện sát với đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương; đồng thời cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch thực hiện.

- Bảo đảm hoàn thành 100% nhiệm vụ đúng hạn, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, mang lại hiệu quả. Chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là cấp xã; có phương án bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, “mọi nơi, mọi lúc”.

- Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan chuyên môn giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ để tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tập thể, cá nhân.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và Đảng ủy UBND tỉnh theo chức năng nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế

hoạch này.

6. Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên đề về việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng tuyên truyền mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tầm quan trọng, ý nghĩa và tác động tích cực của Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; kịp thời tuyên truyền, biểu dương các cơ quan, địa phương có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả.

8. Các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên chuyên trang, chuyên mục để mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân biết và tích cực tham gia thực hiện. Chú trọng tuyên truyền rộng rãi các gương điển hình xuất sắc, gương người tốt, việc tốt trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương và yêu cầu thực tiễn, Ban Chỉ đạo xem xét, bổ sung, điều chỉnh các nhiệm vụ để thực hiện trong năm 2026.

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các đồng chí thành viên BCD,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

BÍ THƯ TỈNH ỦY

kiêm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Lương Nguyễn Minh Triết



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
(Kèm theo Kế hoạch số 04-KH/BCĐ, ngày 10/01/2026 của Ban Chỉ đạo)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN				
1	Quán triệt phương châm làm việc đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo, đó là “Hành động đột phá và lan tỏa kết quả”. Từng người đứng đầu phải xác định rõ những nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình, đề cao kỷ luật hành động, tổ chức thực hiện thật tốt để tạo kết quả đầu ra	Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam xã, phường	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; các sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản chỉ đạo	Thường xuyên
2	Các cấp ủy cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đề cao tinh thần chủ động, trách nhiệm; chủ động trong khắc phục các vướng mắc, khó khăn (<i>đường truyền, nâng cấp trang thiết bị CNTT, tuyển dụng nhân lực chuyển đổi số...</i>), chỉ đề xuất những nội dung vượt thẩm quyền	Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị		100% các vướng mắc, khó khăn (<i>đường truyền, nâng cấp trang thiết bị CNTT, tuyển dụng nhân lực chuyển đổi số...</i>) được khắc phục	Thường xuyên
3	Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo thường xuyên làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương để phát hiện các vấn đề, kịp thời đề xuất biện	Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	pháp thúc đẩy, tháo gỡ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương		ủy; các cơ quan, tổ chức, đơn vị		
4	Theo phạm vi quản lý kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân (<i>người dân, doanh nghiệp, viện, trường, nhà khoa học, nhà sáng tạo...</i>) để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp (<i>thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan</i>)	Các cơ quan đảng; các sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Tiếp nhận, chuyển xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp	Thường xuyên
5	Chủ động báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS trên Hệ thống pakn.nq57.vn	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đảng; các sở, ban, ngành; địa phương		Thường xuyên
6	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2026 của cơ quan, địa phương mình; bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch năm 2026	Hoàn thành trước ngày 20/01/2026
II	TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC				
7	Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và các Kế hoạch, chương trình của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh; đẩy mạnh công	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các cấp ủy, cơ	Quán triệt, thông tin, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	tác thông tin, tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW		quan, đơn vị, địa phương	NQ/TW của Bộ Chính trị	
8	Xây dựng, triển khai Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương	Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”	Phát động trong tháng 01/2026
9	Tiếp tục triển khai chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên Báo và Phát thanh, truyền hình Đắk Lắk, Cổng TTĐT tỉnh	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình	Thường xuyên
10	Tăng cường tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân thực hiện dịch vụ công trên môi trường điện tử	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tăng tỷ lệ người dân thực hiện dịch vụ công trên môi trường điện tử	Thường xuyên
11	Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trong toàn tỉnh thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản, kế hoạch, chương trình triển khai; báo cáo về kết quả thực hiện cụ thể công tác truyền thông về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	
III	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH				
12	Khẩn trương chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể các nội dung, dự kiến triển khai công tác hoàn thiện thể chế, báo cáo Ban Chỉ đạo trước ngày 30/01/2026	Đảng ủy UBND tỉnh		Kế hoạch	Trước ngày 30/01/2026
13	Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Trong đó, bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Các văn bản QPPL được ban hành	Thường xuyên
14	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các văn bản QPPL được ban hành	Thường xuyên
15	Rà soát, ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan Nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Nghị quyết về thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan Nhà nước	Quý I năm 2026
16	Ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (<i>ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút nhân tài, chấp nhận rủi ro...</i>)	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để thúc đẩy khoa	Quý II năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
17	Xây dựng cơ chế hỗ trợ các Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Các sở, ban, ngành, địa phương	Nghị quyết về hỗ trợ các Tổ công nghệ số cộng đồng	Quý I năm 2026
18	Kế hoạch tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về nâng cao năng lực số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Nâng cao năng lực số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Trong năm 2026
19	Vận dụng cơ chế đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-CP của Chính phủ về tháo gỡ, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháo gỡ, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Thường xuyên
20	Khẩn trương triển khai Khung Kiến trúc số tỉnh để triển khai chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; làm cơ sở thúc đẩy phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Ban hành Kiến trúc số cấp tỉnh	Trước ngày 15/01/2026
IV	TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	CHUYỂN ĐỔI SỐ				
21	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển hạ tầng số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Ban hành Đề án phát triển hạ tầng số tỉnh Đắk Lắk	Quý I năm 2026
22	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm IOC tỉnh; triển khai các mô hình đô thị thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Các dịch vụ đô thị thông minh, mở rộng ra cho khu vực phía Đông tỉnh	Trong năm 2026
23	Bước đầu vận hành hệ thống số hóa quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Văn bản chỉ đạo, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
24	Tổ chức các lớp tập huấn đội ngũ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ tỉnh đến xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Văn bản chỉ đạo, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
25	Khẩn trương đưa hệ thống quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu đi vào hoạt động và triển khai các hệ thống, phần mềm để đổi mới phương thức, nâng cao năng lực quản trị, điều hành của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban, ngành	Đưa vào vận hành Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu (NDAP) cấp tỉnh	Quý I năm 2026
26	Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Văn bản chỉ đạo, Kế hoạch, Quyết định	Quý II năm 2026
27	Triển khai, đồng bộ học bạ số và kết nối CSDL của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hệ thống quản lý học bạ số, kết nối liên thông với kho học bạ số của Bộ	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				Giáo dục và Đào tạo	
28	Hoàn thiện hệ thống hợp trực tuyến các cơ quan đảng: Triển khai nền tảng hợp trực tuyến kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã, hoạt động ổn định trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng và Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Đầu tư hệ thống hội nghị trực tuyến từ Tỉnh ủy đến đảng ủy xã, phường hoạt động ổn định trên Mạng thông tin diện rộng của Đảng và Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Quý II năm 2026
29	Nghiên cứu đề xuất Trung ương, kêu gọi các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu, triển khai các tuyến cáp quang, cáp quang cập bờ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan	Kế hoạch	Trong năm 2026
30	Đảm bảo đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân. Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu.	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ	Đảm bảo hạ tầng số phục vụ công việc	Quý II năm 2026
V	ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
31	Xây dựng Đề án thành lập, đưa Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh đi vào hoạt động hiệu quả và triển khai ngay Đề án phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh	Quý I năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh gắn với thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.				
32	Tham mưu UBND tỉnh khẩn trương triển khai việc đặt hàng đối các nhiệm vụ khoa học, công nghệ năm 2026; đồng thời hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN thực hiện từ năm 2026	Năm 2026
33	Chủ trì tham mưu kế hoạch thực hiện các bài toán lớn, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan; báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo trong tháng 01/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Triển khai các bài toán lớn	Trong tháng 01 năm 2026
34	Chỉ đạo rà soát các chỉ số PCI, DTI, PII, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo để phân công, giao nhiệm vụ các sở, ngành, địa phương trong triển khai các tiêu chí, đưa tỉnh Đắk Lắk vào nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Cải thiện các chỉ số PCI, DTI, PII	Quý I năm 2026
35	Nghiên cứu tham mưu triển khai các giải pháp cải tiến, đổi mới liên tục, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh; việc triển khai hoạt động sáng kiến đi vào thực chất, tránh hình thức, thúc đẩy tinh thần tự cải tiến, đổi mới thường xuyên trong từng cơ quan, đơn vị và từ chính mỗi cán bộ, công chức. Báo cáo Ban Chỉ đạo trong quý I/2026.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, các địa phương		Quý I năm 2026
36	Triển khai mô hình 3 nhà “Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp” để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các Viện trường, doanh nghiệp	Biên bản ký kết 3 nhà	Trong năm 2026
37	Hỗ trợ hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Xây dựng không gian làm việc chung, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh Đoàn, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn	Quyết định, Kế hoạch, Văn bản chỉ đạo	Trong năm 2026
38	Triển khai Đề án Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,	Nhiệm vụ đổi mới công nghệ được	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	lỗi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk		Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Sở Tài chính, các Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế, Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao	Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt cho phép thực hiện	
39	Hỗ trợ triển khai nhiệm vụ đổi mới sáng tạo về phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, giải pháp hữu ích	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt cho phép thực hiện	Trong năm 2026
40	Định hướng ngành, lĩnh vực ưu tiên trong hỗ trợ đổi mới công nghệ; tổ chức triển khai nhiệm vụ đổi mới sáng tạo về đổi mới công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành	Văn bản của UBND tỉnh xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng	Trong năm 2026
41	Nâng cao năng lực về chuyên gia, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, bổ sung cơ sở dữ liệu công nghệ của Sàn giao dịch khoa học và công nghệ Đắk Lắk; tổ chức kết nối liên thông dữ liệu với Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia, địa phương khác; tổ chức kết nối cung - cầu công nghệ thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thông tin công nghệ được thu thập; Hội nghị kết nối cung - cầu công nghệ; liên thông dữ liệu Sàn	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				giao dịch khoa học và công nghệ Đắc Lắc với Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia	
42	Tham mưu lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của tỉnh (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương		Báo cáo Thường trực BCD trong tháng 01 năm 2026
VI	ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC, PHÁT TRIỂN THU HÚT NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO, NHÂN TÀI				
43	Chỉ đạo rà soát và nghiêm túc triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính (<i>trong đó trọng tâm là cơ chế Quỹ</i>) đã được thể chế hóa trong thời gian qua. Ưu tiên bố trí, lồng ghép các nguồn vốn; huy động xã hội hóa, tài trợ doanh nghiệp; đẩy mạnh cơ chế khoán và quỹ phát triển khoa học công nghệ. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trọng điểm, mang tính nền tảng. Thu hút các nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành		Trong năm 2026
44	Phân bổ ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Năm 2030 tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				chuyển đổi số từ 3% GRDP trở lên và bố trí từ 1,5% trở lên trong tổng chi ngân sách địa phương	
45	Tranh thủ nguồn lực Trung ương, nhất là hỗ trợ đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh	Trong năm 2026
46	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương	Hoàn thiện Đề án phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Quý II năm 2026
47	Xây dựng chỉ tiêu về phát triển nguồn nhân lực đưa vào Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Quyết định về phát triển nguồn nhân lực đưa vào Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
48	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng; thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, tại cấp xã, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Đoàn viên, thanh niên (Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, báo cáo)	Các phương tiện, máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực cán bộ, công chức, đoàn viên thanh niên để hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện DVC trên môi trường trực tuyến được bố trí đầy đủ tại Trung tâm hành chính công, bộ phận một cửa	Thường xuyên
49	Rà soát đánh giá, xác định nhu cầu nhân lực bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu; xây dựng Kế hoạch bổ sung, tăng cường bảo đảm đáp ứng yêu cầu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Kế hoạch bổ sung nhân lực bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu	Thường xuyên
50	Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân phục vụ công tác chuyển đổi số bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân phục vụ công tác chuyển đổi số	Thường xuyên
51	Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyển đổi số đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; đổi mới phương thức đào tạo, tập huấn, gắn lý thuyết với thực hành thực tế, phát huy tinh thần sáng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đội ngũ cán bộ chuyển đổi số đủ năng lực, đáp ứng	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	tạo, chủ động của cán bộ công chức, viên chức trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở.			yêu cầu nhiệm vụ mới; đổi mới phương thức đào tạo, tập huấn, gắn lý thuyết với thực hành thực tế, phát huy tinh thần sáng tạo, chủ động của cán bộ công chức, viên chức	
52	Ban hành hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng được quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ...	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương		Quý I năm 2026
53	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
54	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cấp ủy	Đảm bảo số lượng cán bộ trong cấp ủy các cấp có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật	Trong năm 2026
55	Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Các cấp ủy, sở, ngành, địa phương	Tối thiểu 25% cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	
56	Theo phân cấp, chủ động bố trí kinh phí thực hiện phân loại hồ sơ, tài liệu để xác định những loại tài liệu cần số hóa; bảo đảm trang thiết bị đầu cuối, đường truyền	Sở Tài chính	Văn phòng Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương	100 % hồ sơ tài liệu được phân loại, số hóa	Trong năm 2026
57	Chủ động rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính	Đảm bảo hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số	Trong quý II năm 2026
58	Chủ động rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Đảm bảo hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số	Trong quý II năm 2026
59	Chủ động rà soát nâng cấp đường truyền Internet, bảo đảm ổn định, đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu, vùng biên giới	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Đảm bảo hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số	Trong quý II năm 2026
60	Tham mưu bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đảm bảo đủ nhân lực CNTT	Quý II năm 2026
61	Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.	Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn liên quan	Quý II năm 2026
62	Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ động đăng ký kinh phí nguồn ngân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban,	Văn bản	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	sách Trung ương cho KHCN, ĐMST, CDS phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của tỉnh để triển khai thực chất đúng tiến độ đề ra, không để chậm trễ, ảnh hưởng tiến độ chung		ngành, địa phương		
63	Rà soát, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai 100% trên Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, giảm chi phí, đồng thời tạo thuận lợi, không làm gián đoạn công tác của người học.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Thường xuyên
64	Đăng ký kinh phí để triển khai thực hiện bảo đảm chủ động công việc, đúng tiến độ, tránh tồn đọng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính	Đảm bảo kinh phí	Thường xuyên
65	Báo cáo kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên hệ thống theodoinq.dcs.vn	Sở Tài chính	Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo trên hệ thống theodoinq.dcs.vn theo yêu cầu của Trung ương	Định kỳ theo yêu cầu
VII	THÚC ĐẨY MẠNH MỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DOANH NGHIỆP				
66	Nghiên cứu, xây dựng và triển khai Đề án phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh để đảm bảo hoàn thành mục tiêu “Quy mô kinh tế số trong GRDP chiếm 14%” mà Nghị quyết năm 2026 của Tỉnh ủy đã đề ra	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương; Doanh nghiệp, viện, trường	Ban hành, triển khai Đề án phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh	Quý I năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
67	Triển khai diện rộng Đề án “Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắk Lắk lên không gian số”; xây dựng và triển khai chương trình đào tạo bắt buộc “Lãnh đạo xã/phường là cán bộ chuyển đổi số, người ảnh hưởng (KOL) tiên phong tại địa phương” (<i>Kỹ năng xây dựng kịch bản ứng dụng CDS, livestream bán hàng, quay dựng video ngắn quảng bá du lịch, vận hành các kênh mạng xã hội...</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các xã, phường, Báo và Phát thanh, truyền hình Đắk Lắk	Đề án “Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắk Lắk lên không gian số”	Trong năm 2026
68	- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ. Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ. - Xây dựng, tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ	Trong năm 2026
69	Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Văn bản chỉ đạo, Kế hoạch, Quyết định	Tháng 6 năm 2026
VIII	ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ				
70	Triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương	Triển khai thu, nộp đảng phí; chuyển sinh hoạt đảng; nhận xét nơi cư trú trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Trong năm 2026
71	Tiếp nhận, triển khai hiệu quả các nền tảng, ứng dụng số do Trung ương chuyển giao	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;	Tiếp nhận các hệ thống thông tin dùng chung do	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
			các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương	Trung ương chuyên giao	
72	Xây dựng các phần mềm đặc thù của các cơ quan đảng (nếu có)	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương	Căn cứ nhu cầu thực tiễn, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham mưu xây dựng các phần mềm đặc thù	Trong năm 2026
73	Trang cấp thiết bị đầu cuối cho người dùng của các cơ quan đảng theo lộ trình: 80% cơ quan đảng cấp tỉnh, 60% cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy xã, phường	Đảm bảo trang thiết bị đầu cuối để sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung	Quý II năm 2026
74	100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng được rà soát đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Văn phòng Tỉnh ủy	Công an tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy xã, phường	Các hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định	Trong năm 2026
75	Số hóa 100% tài liệu lưu trữ lịch sử có giá trị cao	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;	100% tài liệu lưu trữ lịch sử được số hóa	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
			các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy		
76	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	70% hồ sơ trực tuyến toàn trình	Trong năm 2026
77	Xây dựng “Bản đồ số nông sản, sản phẩm OCOP, du lịch thôn buôn” trên nền tảng số của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành “Bản đồ số nông sản, sản phẩm OCOP, du lịch thôn buôn” trên nền tảng số của tỉnh	Quý I năm 2026
78	Xây dựng quy trình số hóa, quản lý, truy xuất nguồn gốc nông - lâm - thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành xây dựng quy trình số hóa, quản lý, truy xuất nguồn gốc nông - lâm - thủy sản.	Quý I năm 2026
79	Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ công chức; hoàn thành giai đoạn 1 và 2 trong năm 2025, kết thúc toàn bộ vào năm 2026.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ công chức	Trong năm 2026
80	Khẩn trương xây dựng và đưa vào vận hành nền tảng hoặc hệ thống thông tin phục vụ số hoá, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hệ thống thông tin phục vụ số hoá,	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	dữ liệu trong xây dựng các CSDL được giao nhưng chưa hoàn thành			tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong xây dựng các CSDL	
81	Triển khai rà soát các chỉ số DTI (chỉ số Chuyển đổi số), PII (chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương), tập trung phân tích sâu, làm rõ nguyên nhân, xây dựng và triển khai kịp thời các nhóm giải pháp để nâng cao chỉ số DTI, PII của tỉnh, đưa tỉnh Đắk Lắk vào nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành triển khai thực hiện, nâng cao Nâng cao chỉ số DTI, PII của tỉnh trong năm, đưa tỉnh Đắk Lắk vào nhóm 15 tỉnh dẫn đầu trong cả nước	Trong năm 2026
82	Triển khai rà soát các chỉ số PCI, tập trung phân tích sâu, làm rõ nguyên nhân, xây dựng và triển khai kịp thời các nhóm giải pháp để nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, đưa tỉnh Đắk Lắk vào nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các địa phương	Rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành triển khai thực hiện, nâng cao Nâng cao chỉ số PCI của tỉnh trong năm, đưa tỉnh Đắk Lắk vào nhóm 15 tỉnh dẫn đầu trong cả nước	Trong năm 2026
83	Chỉ đạo cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thực chất; triển khai các giải pháp để thúc đẩy tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, phấn đấu năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các	Phấn đấu năm 2026, tỉnh năm	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	2026, tỉnh nằm trong top 10 về xếp hạng theo bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; nghiên cứu xây dựng, triển khai Đề án dịch vụ công chủ động để triển khai trên địa bàn tỉnh		sở, ban, ngành, địa phương	trong top 10 về xếp hạng theo bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	
84	Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh	100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	Trong năm 2026
85	Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng	Trong năm 2026
86	Tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng Tỉnh ủy		Trong năm 2026
87	Triển khai tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử. 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số. Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ. Số hóa 100% các quy trình lỗi trong các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số.	Các cơ quan đảng; sở, ban, ngành, địa phương		100% gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số. 100% tài liệu lưu trữ được số hóa. 100% các quy trình lỗi trong cá cơ quan,	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				đơn vị để đưa lên môi trường số.	
88	Xây dựng dữ liệu là nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số trong năm 2026. Đề nghị các ngành (<i>nhất là các ngành giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi trường...</i>) xây dựng kế hoạch cụ thể để xây dựng dữ liệu và triển khai ngay trong năm 2026, báo cáo Ban Chỉ đạo trước ngày 28/02/2026	Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành	Các địa phương	Kế hoạch xây dựng dữ liệu ngành, lĩnh vực	Trước ngày 28/02/2026
89	Khẩn trương rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng	Các cơ quan đảng; sở, ban, ngành, địa phương		Hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng hoạt động thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng	Quý I năm 2026
IX	ĐẢM BẢO AN NINH MẠNG, AN TOÀN THÔNG TIN				
90	Nghiên cứu, xây dựng Đề án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028” để triển khai trên toàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin, kịp thời phát hiện, khắc phục, ứng cứu sự cố gây mất an ninh, an toàn hệ thống mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh	Trong năm 2026
91	Triển khai đầy đủ các giải pháp bảo vệ an toàn cho các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp. Tập trung đầu tư, xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh theo từng giai đoạn (<i>năm 2026 xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng- SOC; các năm tiếp theo xây dựng hệ thống OSINT, TI...</i>)	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	100% các hệ thống thông tin của tỉnh được triển khai mô hình 4 lớp	Trong năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
92	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, cảnh báo cho cán bộ, người dân về các phương thức, thủ đoạn tấn công mạng, mã độc, lừa đảo ciếm đoạt tài sản... trên không gian mạng; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hiệu quả tội phạm mạng, tội phạm công nghệ, không gian mạng, lĩnh vực chuyển đổi... xâm phạm an ninh trật tự, vi phạm pháp luật	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản, Kế hoạch, Báo cáo kết quả	Trong năm 2026
93	Tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, đơn vị. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng, an toàn thông tin nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cán bộ, người dân	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng	Trong năm 2026
94	Triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh	Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin	Trong năm 2026
95	Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ đối với các CSDL quốc gia, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; khắc phục kịp thời các lỗ hổng, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho toàn bộ hệ thống. Nhiệm vụ thường xuyên	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	đánh giá an toàn thông tin định kỳ đối với các CSDL quốc gia, chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; khắc phục kịp thời các lỗ hổng, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho toàn bộ hệ thống	Trong năm 2026
96	Chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; quán triệt, tập huấn cho cán bộ, công chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan thực hiện/phối hợp	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
X	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ				
97	Tham gia các các hội thảo quốc tế để trao đổi kiến thức về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số giữa các nhà khoa học, doanh nghiệp trong và ngoài nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản và báo cáo kết quả	Trong năm 2026
98	Tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư quốc tế để giới thiệu tiềm năng và chính sách ưu đãi của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản và báo cáo kết quả	Trong năm 2026
99	Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, nhất là các lĩnh vực: trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản và báo cáo kết quả	Thường xuyên
XI	GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ				
100	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc		Trong năm 2026